

Bản án số: 12/2023/DS-PT
Ngày 24-02-2023
V/v tranh chấp hủy một phần di chúc
và kiện đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Thu

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng

Bà Vũ Thị Bích Diệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Khánh – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đồng Thị Phương Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 86/2022/TLPT-DS ngày 08/11/2022 về việc tranh chấp hủy một phần di chúc và kiện đòi tài sản.

Do bản án Dân sự sơ thẩm số 42/2022/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 90/2022/QĐ-PT ngày 30 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2023/QĐ-PT ngày 15 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị N; địa chỉ: Xã C, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Hoàng Thị N: Chị Phạm Thị Thu H; địa chỉ: Số 58/280 đường Trần Nguyên Hãn, phường Niệm Nghĩa, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng (hợp đồng ủy quyền ngày 12 tháng 12 năm 2022); có mặt.

Bị đơn: Anh Phạm Trung T; địa chỉ: Xã C, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt;

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Phạm Thị Thu H; địa chỉ: Đường T, phường N, quận L, thành phố Hải Phòng; có mặt.

2. Chị Phạm Thị Bích L; địa chỉ: Xã C, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

3. Chị Hoàng Thị P; địa chỉ: Xã C, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn anh Phạm Trung T:
Ông Vũ Ngọc Chi và ông Đỗ Đức Thọ - Luật sư Công ty Luật TNHH Tam Anh, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

- *Người kháng cáo:* Anh Phạm Trung T là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Hoàng Thị N và ông Phạm Văn T (tên gọi khác Phạm Văn T) trong quá trình chung sống có khối tài sản chung là quyền sử dụng diện tích 76m², qua xác minh diện tích thực tế là 146,5m², tờ bản đồ số 01, thửa số 160, địa chỉ: Thôn 8, xã Cao Nhân, GCNQSDĐ số 233905 do UBND huyện Thủy Nguyên cấp ngày 10/01/2001 cho hộ ông T. Tài sản trên đất gồm 01 gian nhà cấp 2 (2 tầng), 01 gian nhà cấp 4 liền kề đã bán cho chị H giá 200.000.000 đồng do chị H xây dựng, chưa sang tên và Quyền sử dụng diện tích 871,5m² đất ở, qua xác minh diện tích thực tế là 846,7m², tờ bản đồ số 02, thửa số 210 tại thôn 8, xã Cao Nhân, GCNQSDĐ số 99835, do UBND huyện Thủy Nguyên cấp ngày 12/4/1997 cho ông T và diện tích đất nông nghiệp là 1.128m².

Ngày 15/10/2012, vợ chồng bà N có lập di chúc chung (có xác nhận của UBND xã Cao Nhân, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng) với nội dung:

- Giao cho anh T sở hữu gian nhà cấp 2 tại thôn 8, xã Cao Nhân, Thủy Nguyên, gian nhà cấp 4 bên cạnh đã bán cho chị H, có văn bản mua bán.

- Giao cho anh T sở hữu ngôi nhà cấp 4, tại thôn 8, xã Cao Nhân, diện tích 871,5m²; trong đó để lại lối đi vào có chiều rộng 2m, dài đến vị trí đất canh tác để cho 02 con gái, sử dụng đất canh tác có lối đi ra.

- Giao cho chị L sở hữu ½ diện tích đất nông nghiệp tại thôn 8, xã Cao Nhâ, diện tích bằng 564,25m².

- Giao cho chị H sở hữu ½ diện tích đất nông nghiệp tại thôn 8, xã Cao Nhân, diện tích bằng 564,25m².

Ngày 06/4/2021, ông T chết. Hiện vợ chồng anh T đang quản lý, sử dụng các thửa đất trên, chưa đăng ký biến động tên chủ sử dụng. Sau khi ông T chết, bà N chung sống với vợ chồng anh T và xảy ra mâu thuẫn.

Hiện nay bà N khởi kiện yêu cầu hủy một phần nội dung trong bản di chúc, cụ thể: Hủy phần nội dung định đoạt phần tài sản của bà N trong khối tài sản chung của vợ chồng bà N, ông T, bà N yêu cầu được quyền sử dụng, sở hữu phần diện tích 49,9m² và toàn bộ tài sản trên đất thuộc một phần thửa đất số 160 tờ bản đồ số 01 tại Xã C, huyện T, Hải Phòng (một phần diện tích và giao lại cho anh Phạm Trung T toàn bộ diện tích đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 210, tờ bản đồ số 02, tại thôn 8, xã Cao Nhân và nếu có chênh lệch về giá trị tài sản thì các bên sẽ thanh toán cho nhau phần chênh lệch giá trị tài sản được giao. Phần đất ruộng theo di chúc của vợ chồng bà N và các phần tài sản khác vẫn giữ nguyên theo nội dung di chúc. Bà N không yêu cầu chia thừa kế di sản của ông T.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Phạm Thị Thu H trình bày:

Do anh Phạm Trung T không giữ đúng đạo hiếu của người con đối với cha mẹ nên bà N quyết định hủy bỏ nội dung bà N đã định đoạt phần tài sản của bà N trong phần tài sản thuộc sở hữu chung vợ chồng trong Bản di chúc chung của vợ chồng. Bà N có yêu cầu con trai Phạm Trung T bàn giao lại 1/2 quyền sử dụng đất của 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên nhưng anh T không thực hiện việc bàn giao tài sản lại cho bà N theo yêu cầu. Bà Hoàng Thị N và các con cũng đã tự thỏa thuận, hòa giải tranh chấp nhưng không giải quyết được.

Chị H yêu cầu Tòa án chia cho anh Phạm Trung T hưởng toàn bộ phần di sản thừa kế mà ông T đã để lại cho anh T theo di chúc mà ông T đã lập. Đối với phần tài sản của bà N trong khối tài sản chung với ông T thì thuộc quyền sở hữu của bà N. Tuy nhiên, hiện nay bà N đã già yếu mọi thu nhập trông chờ vào tiền thuê từ ngôi nhà cấp 2 trên phần đất 76m² (phía ngoài mặt đường) nên chị H yêu cầu Tòa án chia cho bà N phần đất 76m² (sau khi đã trừ đi phần diện tích vợ chồng bà Hoàng Thị N đã bán cho con gái Phạm Thị Thu Hương), thửa số 160, tờ bản đồ số 01 và ngôi nhà cấp 2 tại Xã C, huyện T, thành phố Hải Phòng. Chị H yêu cầu Tòa án giao cho anh T phần đất 871,5m², tờ bản đồ số: 02; số thửa: 210 và toàn bộ tài sản trên đất tại Xã C, huyện T, thành phố Hải Phòng, trong đó để lại lối đi vào chiều rộng là 02 m, dài đến vị trí đất canh tác để cho 02 con gái, sử dụng đất canh tác có lối đi ra. Bên được hưởng phần tài sản lớn hơn phải thanh toán tiền chênh lệch trị giá tài sản cho bên kia.

Bị đơn anh Phạm Trung T trình bày:

Từ thời điểm bố mẹ anh T lập di chúc đến thời điểm anh T nhận được đơn khởi kiện của bà N, các anh em trong gia đình không ai có ý kiến gì.

Năm 2021, ông T chết, bà N còn sống và ở cùng vợ chồng anh T. Cuối năm 2021, giữa bà N và anh T có chút hiểu nhầm nên bà N đã bỏ nhà đi. Theo anh T được biết bà N ở nhà ông chú họ gần nhà. Vợ chồng anh T có đến xin lỗi và muốn đón mẹ về để chăm sóc phụng dưỡng, nhưng bà N không muốn về. Sau đó một thời gian, bà

N đi đâu mà bản thân anh T là con cũng không biết. Anh T có hỏi người thân cũng đều nói không biết là bà N ở đâu. Anh T có làm đơn trình báo ra công an xã Cao Nhân và được thông rằng bà N đang ở một nơi an toàn, hiện tại sức khỏe tốt. Nay bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy một phần di chúc lập ngày 15/10/2012 và yêu cầu anh trả lại phần tài sản của bà N trong khối tài sản chung ông T và bà N thì quan điểm của anh T như sau:

- Từ năm 2012, ông T và bà N lập di chúc đến khi ông T chết năm 2021, ông T và các con đều không có ý kiến gì nên anh T sẽ xin nhận phần thừa kế của ông T để lại và anh T xin nhận phần đất 76m² và ngôi nhà cấp 2 tại Xã C, huyện T, thành phố Hải Phòng (phía ngoài mặt đường).

- Đối với phần đất trong làng diện tích 871,5m² (Phần đất do tổ tiên để lại cho bố mẹ anh T). Ngày 19/09/2013 dưới sự chứng kiến của cả họ và gia đình, bà N đã trao chúc trưởng họ Phạm cho anh T và bàn giao cho anh được hưởng phần đất ở trong làng để lo việc thờ cúng tổ tiên. Nay anh T yêu cầu Tòa án giao phần đất 871,5m² nói trên bà N sử dụng để thờ cúng tổ tiên.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Hoàng Thị P đồng ý với ý kiến của bị đơn anh Phạm Trung T.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Phạm Thị Bích Liên trình bày:

Năm 2021, ông T mất, bà N còn sống và ở cùng vợ chồng anh Phạm Trung T. Cuối năm 2021, giữa bà N và anh T có xảy ra bất đồng quan điểm. Bà N đã đi đâu mà bản thân chị L là con cũng không biết. Chị L có hỏi người thân và em gái tên là Phạm Thị Thu Hương cũng đều nói không biết là bà N ở đâu. Nay xảy ra kiện tụng về đất ở trong gia đình, bản thân chị L là phận gái đã có gia đình riêng, không tranh chấp đất cát của ông T, bà N. Nay, bà N khởi kiện, quan điểm của chị L như sau:

Chị L yêu cầu Tòa án chia cho anh Phạm Trung T hưởng toàn bộ phần di sản thừa kế mà ông T đã để lại cho anh T theo di chúc mà ông T đã lập. Đối với phần tài sản của bà N trong khối tài sản chung với ông T thì thuộc quyền sở hữu của bà N. Chị L đề nghị Tòa án giao phần đất 76m² (chưa trừ phần bố bà N đã bán cho con gái là Phạm Thị Thu Hương) và ngôi nhà cấp 2 tại Xã C, huyện T, thành phố Hải Phòng (phía ngoài mặt đường) cho anh T quản lý, sử dụng và giao cho bà N phần đất 871,5m² và ngôi nhà cấp 4, tại xã C, huyện T, thành phố Hải Phòng (phía trong làng) để bà N có trách nhiệm trông nom, chăm sóc ông nội với vợ chồng anh T và thờ cúng tổ tiên. Trong đó để lại lối đi vào chiều rộng = 02 m, dài đến vị trí đất canh tác để cho 02 con gái, sử dụng đất canh tác có lối đi ra.

Với nội dung như trên, tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 42/2022/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng đã Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 158, Điều 163, Điều 164, Điều 166, Điều 218, Điều 219, Điều

630; Điều 640, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 33, Điều 35 Luật Hôn nhân gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, hủy nội dung định đoạt phần tài sản của bà Hoàng Thị N cho anh Phạm Trung T trong khối tài sản chung của vợ chồng bà N, ông T trong bản di chúc lập ngày 15/10/2012 và buộc anh Phạm Trung T phải trả lại phần tài sản nói trên cho bà N. Anh Phạm Trung T được quản lý sử dụng phần tài sản của ông Phạm Văn T theo di chúc ngày 15/12/2012. Cụ thể như sau:

- Chia cho bà Hoàng Thị N được sử dụng diện tích đất 49,9m² thuộc một phần của thửa đất số 160, tờ bản đồ số 01, tại xã C, huyện T, thành phố Hải Phòng và được quản lý, sử dụng các tài sản trên đất gồm: 01 nhà 02 tầng và 01 công trình phụ mái bằng liền kề phía sau; 01 lán tôn mạ màu, 01 cửa xếp sắt, thể hiện tại các mốc giới: 3, 4, 5, 6 và 3 (có sơ đồ kèm theo). Bà Hoàng Thị N được nhận số tiền 516.842.000 đồng là tiền chia chênh lệch tài sản do anh Phạm Trung T thanh toán.

Đối với phần công trình xây dựng lấn sang phần đất hành lang giao thông bà Hoàng Thị N có trách nhiệm tháo dỡ trả lại nguyên trạng phần đất hành lang giao thông khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.

- Chia cho anh Phạm Trung T sử dụng diện tích đất 790,9m² thuộc thửa đất số 210, tờ bản đồ số 02; địa chỉ: Xã C, huyện T Hải Phòng. Trên đất có các tài sản do anh Phạm Trung T và chị Hoàng Thị P tạo lập, thể hiện tại các mốc giới: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 và 1 (có sơ đồ kèm theo). Anh Phạm Trung T có trách nhiệm thanh toán cho bà Hoàng Thị N số tiền số tiền 516.842.000 đồng là tiền chia chênh lệch tài sản.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo đối với các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/10/2022, bị đơn anh Phạm Trung T có đơn kháng cáo Bản án Dân sự số 42/2022/DS-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn anh Phạm Trung T và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trình bày: Bị đơn thay đổi nội dung kháng cáo, cho rằng bản án sơ thẩm vượt quá yêu cầu khởi kiện vì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hủy một phần di chúc chung giữa ông T và bà N ngày 15/10/2012 và đòi lại tài sản anh T đang quản lý theo di chúc chia cho bà N. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm đã tước quyền hưởng cả 02 tài sản là bất động sản của anh T (theo di chúc có hiệu lực pháp luật) và chỉ cho anh T được hưởng 01 tài sản. Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm, anh T đề nghị được hưởng cả hai tài sản theo nội dung của di chúc, có thể ghi nhận sở hữu chung anh T và bà N. Bị đơn đề nghị xem xét cả diện tích

76m² đất tại thửa đất số 160, tờ bản đồ số 01, tại Xã C, huyện T, thành phố Hải Phòng vì việc mua bán, chuyển nhượng một phần của thửa đất này (26,1m²) giữa ông Tiến, bà N và chị H không hợp pháp, chưa có hiệu lực. Bản án sơ thẩm giao diện tích đất 49,9m² và tài sản trên đất cho bà N là không có cơ sở vì căn cứ bà N già yếu không phải là căn cứ theo quy định của pháp luật. Bà N không có nhu cầu buôn bán nên không cần ở nhà mặt đường; còn vợ chồng anh T có con bị ốm, không có công việc và thu nhập ổn định nên cần có tài sản này để có nơi làm ăn sinh sống; hơn nữa anh T không có tiền đã trả tiền chênh lệch giá trị tài sản cho bà N như bản án sơ thẩm đã tuyên. Yêu cầu kháng cáo của anh T, đồng ý bà N hủy một phần nội dung di chúc liên quan đến định đoạt phần tài sản của bà N nhưng anh T muốn được nhận cả hai tài sản là bất động sản như trong di chúc đã định đoạt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - chị Phạm Thị Thu H giữ nguyên lời trình bày, nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm. Với tư cách là người có quyền và lợi ích liên quan chị H không yêu cầu chia thừa kế di sản của ông T và không yêu cầu xem xét việc chuyển nhượng 26,1m² đất thửa đất số 160, tờ bản đồ số 01, tại Xã C, huyện T, thành phố Hải Phòng giữa ông T, bà N và chị.

Người có quyền và lợi ích liên quan chị Hoàng Thị P đồng ý với quan điểm của bị đơn

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về yêu cầu kháng cáo của bị đơn: Bản di chúc về hình thức và nội dung và trình tự thủ tục lập di chúc đã tuân thủ đúng quy định theo Điều 630 của Bộ luật Dân sự 2015. Ngày 07/04/2021, ông Phạm Văn T chết. Tài sản chung của ông T, bà N gồm: Diện tích đất 790,9m² thuộc thửa đất số 210, tờ bản đồ số 02 tại thôn 8, xã Cao Nhân và diện tích đất 49,9m² thuộc thửa đất số 160, tờ bản đồ số 01, tại thôn 8, xã Cao Nhân, trên đất có 01 nhà 02 tầng, mái bằng; 01 công trình phụ mái bằng; 01 lán tôn phía trước nhà 02 tầng. Khối di sản này ông T, bà N đã lập di chúc chung ngày 15/10/2012 định đoạt toàn bộ tài sản nói trên cho anh Phạm Trung T. Bà N khởi kiện tại Tòa án, yêu cầu Tòa án hủy bỏ một phần nội dung di chúc ngày 15/10/2012 đối với phần tài sản của bà N trong khối tài sản chung vợ chồng; đồng thời yêu cầu anh Phạm Trung T trả lại cho bà N quyền quản lý, sử dụng, sở hữu tài sản gồm đất ở và công trình trên đất trong khối tài sản chung của vợ chồng bà N, ông T là có căn cứ cần chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 640 của Bộ luật Dân sự. Xét điều kiện và hoàn cảnh thực tế của các bên, cần giao bà N được quyền sở hữu, sử dụng diện tích đất 49,9m² thuộc thửa đất số 160 tờ bản đồ số 01 tại thôn 8 xã Cao Nhân và toàn

bộ tài sản trên đất (phần nhà đất mặt đường) do vợ chồng ông T, bà N tạo dựng, không có sự đóng góp của các con và bà N là người cao tuổi, sức khỏe yếu, hiện tại không có chỗ ở, không có lương hưu, nguồn thu nhập chủ yếu dựa vào tiền cho thuê ngôi nhà 02 tầng trên diện tích đất nói trên. Đối với diện tích đất 790,9m² (phần đất trong làng) hiện anh T đang trực tiếp quản lý, sử dụng từ khi lấy vợ đã nhiều năm, trên đất có các tài sản công trình vật kiến trúc, cây cối, hoa màu là tài sản do vợ chồng anh T, chị P xây dựng tạo lập nên. Vì vậy để thuận lợi cho việc sử dụng cần giao cho anh Phạm Trung T được quyền sử dụng diện tích đất 790,9m² thuộc thửa đất số 210, tờ bản đồ số 02; địa chỉ: Xã C, huyện T, thành phố Hải Phòng. Bên nào nhận phần tài sản bằng hiện vật có giá trị cao hơn phần được hưởng thì phải thanh toán cho bên kia phần chênh lệch theo quy định tại các điều 166; 218; 219; 630; 640 của Bộ luật Dân sự; các điều 33; 35 của Luật Hôn nhân gia đình. Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Quan hệ tranh chấp của vụ án là tranh chấp hủy một phần di chúc và kiện đòi tài sản theo quy định tại khoản 2, 14 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vụ án có kháng cáo nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng theo điểm b khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Xét kháng cáo của bị đơn, anh Phạm Trung T kháng cáo toàn bộ nội dung của bản án sơ thẩm.

[2] Bản di chúc về hình thức và nội dung và trình tự thủ tục lập di chúc đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 630 của Bộ luật Dân sự 2015 xác định Di chúc lập ngày 15/10/2012 của vợ chồng bà Hoàng Thị N và ông Phạm Văn T là hợp pháp. Ngày 07/04/2021, ông Phạm Văn T chết, ngày 21/12/2021 bà N có thông báo bằng văn bản gửi UBND xã Cao Nhân, huyện Thủy Nguyên với nội dung yêu cầu hủy bỏ một phần nội dung di chúc lập ngày 15/10/2012 liên quan đến phần tài sản chung của bà N trong khối tài sản chung của vợ chồng ghi nhận trong bản di chúc nói trên.

+ Về tài sản chung của bà N, ông T lập di chúc ngày 15/10/2012 gồm có:

[3] Diện tích đất là 871,5 m², số thửa 210, tờ bản đồ số 02, địa chỉ tại thôn Nhân Lý (mới: Thôn 8), xã Cao Nhân, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng đã được Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 99835 cấp ngày 12/04/1997, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 11/QSĐĐ/HP-TN-CN cho chủ sử dụng là hộ ông T (tên gọi khác của ông T). Diện tích đất này đo đạc thực tế là 846,7m², giảm 24,8m² và

hình thể có sự thay đổi so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên nhân của sự thiếu hụt diện tích và sự thay đổi hình thửa là do năm 2019, anh Phạm Trung T cắt phần đất nhô ra ở phía bắc giáp ranh với hộ bà Nhã và tặng cho bà Nhã sử dụng, các đương sự thừa nhận và không có ý kiến gì về sự thiếu hụt trên. Tuy nhiên, theo di chúc ngày 15/10/2012 trên diện tích đất này phải để lại lối đi có chiều rộng 02m, chiều dài vào đến vị trí đất nông nghiệp đã chia cho chị L và chị H, theo đo vẽ là 55,8m². Như vậy, diện tích đất thực tế còn lại là 790,9m² (hiện toàn bộ công trình vật kiến trúc và cây cối hoa màu trên đất là tài sản do vợ chồng anh Phạm Trung T và chị Hoàng Thị P xây dựng, tạo lập).

[4] Diện tích đất 76 m², tờ bản đồ số 01, số thửa 160, địa chỉ tại: Thôn Nhân Lý (mới: Thôn 8), xã Cao Nhân, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng đã được Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 233905 cấp ngày 10/01/2001, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 30/QSDĐ/HP-TN-CN cho chủ sử dụng là hộ ông Phạm Văn T. Theo đo đạc hiện trạng thực tế thì thửa đất trên có diện tích sử dụng là 146,5m², tăng 70,5m² so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên nhân do hiện trạng sử dụng đất đã lấn ra hành lang đường giao thông tỉnh lộ 352 nên giữa hai cạnh hướng Tây và hướng Đông của thửa đất có sự chênh lệch lớn về chiều dài dẫn đến diện tích theo trích đo hiện trạng tăng lên so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp. Tài sản trên đất do vợ chồng ông T, bà N tạo dựng gồm có: 01 gian nhà 2 tầng, mái bằng và công trình phụ mái bằng khép kín, 01 lán tôn phía trước nhà 02 tầng và 01 gian nhà cấp 4 liền kề. Trên diện tích đất có 01 gian nhà cấp 4 vợ chồng ông T, bà N xác nhận trong di chúc đã chuyển nhượng cho con gái là Phạm Thị Thu Hương. Theo đo đạc xác định phần đất ông T, bà N đã chuyển nhượng cho chị Phạm Thị Thu H là 26,1m². Bà N, chị H không yêu cầu chia thừa kế di sản của ông T, cũng như không yêu cầu xem xét việc chuyển nhượng nhà đất giữa vợ chồng ông T, bà N và chị H nên Hội đồng xét xử không xem xét diện tích 26,1m² đất này. Vì vậy, quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết đối với diện tích 26,1m² đất chị H nhận chuyển nhượng của bà N, ông T trong vụ án này là không có căn cứ vì bà N không yêu cầu giải quyết, bị đơn không có yêu cầu phản tố, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị Thu H không có yêu cầu độc lập. Nếu các đương sự có yêu cầu sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[5] Về đất nông nghiệp tại Xã C, huyện T ông T, bà N đã di chúc cho các Chị Phạm Thị Bích L và Phạm Thị Thu Hương; bà N không yêu cầu hủy bỏ phần đất nông nghiệp đã được ghi nhận trong bản di chúc nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Như vậy xác định được tài sản chung của ông T, bà N gồm: Diện tích đất 790,9m² thuộc thửa đất số 210, tờ bản đồ số 02; địa chỉ: Xã C, huyện T, thành phố

Hải Phòng. Và diện tích đất 49,9m² thuộc thửa đất số 160, tờ bản đồ số 01, địa chỉ tại Xã C, huyện T, thành phố Hải Phòng, trên đất có 01 nhà 02 tầng, mái bằng; 01 công trình phụ mái bằng; 01 lán tôn phía trước nhà 02 tầng.

[7] Khối di sản này ông T, bà N đã lập di chúc chung của vợ chồng ngày 15/10/2012 định đoạt toàn bộ tài sản nói trên cho anh Phạm Trung T. Nay bà N khởi kiện tại Tòa án, yêu cầu Tòa án hủy bỏ một phần nội dung di chúc ngày 15/10/2012. Cụ thể nguyên đơn yêu cầu hủy phần di chúc mà bà Hoàng Thị N đã định đoạt phần tài sản của bà N trong khối tài sản chung vợ chồng như xác định ở trên; đồng thời yêu cầu anh Phạm Trung T trả lại cho bà N quyền quản lý, sử dụng, sở hữu tài sản gồm đất ở và công trình trên đất trong khối tài sản chung của vợ chồng bà N, ông T theo quy định của pháp luật. Theo quy định tại khoản 1 Điều 640 của Bộ luật Dân sự, bà N yêu cầu Tòa án hủy bỏ nội dung định đoạt phần tài sản của bà Hoàng Thị N cho anh Phạm Trung T trong khối tài sản chung của vợ chồng bà N, ông T trong bản di chúc lập ngày 15/10/2012 là có căn cứ.

[8] Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng: 12 Nội dung di chúc ngày 15/10/2012 của ông T và bà N là hợp pháp, không trái với quy định tại Điều 659 Bộ luật Dân sự; ý chí của ông T trong di chúc định đoạt toàn bộ tài sản cho anh T nên bản án sơ thẩm đã tuyên trái với ý chí của ông T, vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy bà N được quyết định đối với phần tài sản của mình trong khối tài sản chung nhưng anh T phải được hưởng cả 02 tài sản (quyền sử dụng đất trong làng và quyền sử dụng, sở hữu nhà đất mặt đường) và đề nghị Hội đồng xét xử quyết định bà N và anh T đồng sở hữu cả 02 tài sản là bất động sản trong di chúc. Quan điểm này không phù hợp với điều kiện thực tế và quy định của pháp luật. Lý do bà N khởi kiện tại Tòa án là do mâu thuẫn giữa bà N và anh T không thể hòa giải được. Hơn nữa, đối với diện tích 49.9m² nếu tách thửa thì không đủ diện tích theo quy định tại Quyết định 1394/2015/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.

[9] Về hợp đồng ủy quyền ngày 12/12/2022 của nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng trong nội dung của hợp đồng không ghi rõ ủy quyền để yêu cầu khởi kiện đòi lại những tài sản gì nên việc người đại diện của nguyên đơn trình bày yêu cầu khởi kiện cụ thể phương án chia tài sản là vượt quá yêu cầu khởi kiện. Hội đồng xét xử xét thấy, phương án chia tài sản chung để giải quyết yêu cầu đòi lại tài sản của nguyên đơn là thẩm quyền của Hội đồng xét xử, không thuộc yêu cầu của nguyên đơn nên không coi là vượt quá yêu cầu khởi kiện.

+ Xét yêu cầu đòi tài sản của nguyên đơn:

[10] Bà N yêu cầu Tòa án chia cho bà N được quản lý, sử dụng diện tích đất 49,9 m2 và tài sản trên đất thuộc thửa đất số 160, tờ bản đồ số 01, địa chỉ tại Xã C,

huyện T, thành phố Hải Phòng và giao cho anh T được quản lý sử dụng diện tích đất 790,9m² thuộc thửa đất số 210, tờ bản đồ số 02; địa chỉ: Xã C, huyện T Hải Phòng. Bên được hưởng phần tài sản lớn hơn phải thanh toán tiền chênh lệch trị giá tài sản cho bên kia.

[11] Theo tài liệu xác minh và các đương sự thừa nhận diện tích đất 49,9m² thuộc thửa đất số 160 tờ bản đồ số 01 tại thôn 8 xã Cao Nhân và toàn bộ tài sản trên đất (phần nhà đất mặt đường) do vợ chồng ông T, bà N tạo dựng, không có sự đóng góp của các con. Mặc dù Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông T (tên khác của ông T) nhưng tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hộ ông T chỉ có bà N và ông T. Xét hoàn cảnh thực tế, ông T đã chết, bà N là người cao tuổi, sức khỏe yếu, hiện tại không có chỗ ở, không có lương hưu, nguồn thu nhập chủ yếu dựa vào tiền cho thuê ngôi nhà 02 tầng trên diện tích đất 49,9 m² nói trên. Về việc bị đơn trình bày sẽ chu cấp cho bà N số tiền 2.000.000 đồng/ 1 tháng để bà N đảm bảo cuộc sống nên không cần cho thuê nhà và giao căn nhà trên diện tích đất 49,9m² (nhà đất ở mặt đường) cho anh T sở hữu, sử dụng. Hội đồng xét xử xét thấy, nếu anh T chu cấp tiền sinh hoạt hàng tháng cho bà N thì đó là trách nhiệm về đạo lý của con đối với mẹ, không có sự đảm bảo về mặt pháp lý. Thực tế, trong thời gian sống chung anh T và bà N đã xảy ra mâu thuẫn trong đời sống sinh hoạt, cách cư xử hàng ngày và mâu thuẫn càng tăng dẫn đến việc không thỏa thuận, hòa giải được, phải khởi kiện tại Tòa án. Nên quan điểm này của phía bị đơn không có căn cứ. Do vậy giao cho bà N được quản lý sử dụng, sở hữu diện tích 49,9 m² đất và tài sản trên đất thuộc thửa đất số 160, tờ bản đồ số 01, địa chỉ tại Xã C, huyện T, thành phố Hải Phòng theo yêu cầu của bà N là phù hợp.

[12] Đối với diện tích đất 790,9m² (phần đất trong làng) hiện anh T đang trực tiếp quản lý, sử dụng từ khi lấy vợ đã nhiều năm, trên đất có các tài sản công trình vật kiến trúc, cây cối, hoa màu là tài sản do vợ chồng anh T, chị P xây dựng tạo lập nên. Vì vậy để thuận lợi cho việc sử dụng cần chia cho anh Phạm Trung T được sử dụng diện tích đất 790,9m² thuộc thửa đất số 210, tờ bản đồ số 02; địa chỉ: Xã C, huyện T, thành phố Hải Phòng. Bên nào nhận phần tài sản bằng hiện vật có giá trị cao hơn phần được hưởng thì phải thanh toán cho bên kia phần chênh lệch.

[13] Theo kết luận định giá tài sản ngày 12/4/2022: Giá trị quyền sử dụng đất theo thị trường đối với diện tích 790,9m² là 3.000.000 đồng/m². Giá trị quyền sử dụng đất theo thị trường đối với diện tích 49,9m² là 25.000.000 đồng/m². Giá trị công trình xây dựng của ông T, bà N gồm: 01 nhà 02 tầng: 78.640.000 đồng + 01 công trình phụ: 9.350.000 đồng + 01 lán tôn mạ màu, cửa xếp sắt: 3.525.000 đồng = 91.515.000 đồng.

[14] Như vậy tổng trị giá quyền sử dụng đất và tài sản của vợ chồng ông T, bà N là 3.711.715.000 đồng, chia kỷ phần bà N và ông T theo quy định của pháp luật mỗi người được ½ trị giá tài sản là 1.855.857.500 đồng.

[15] Hội đồng xét xử xét thấy, giao cho anh Phạm Trung T được quản lý sử dụng diện tích đất: $790,9\text{m}^2 \times 3.000.000 \text{ đồng/m}^2 = 2.372.700.000 \text{ đồng}$. Chia cho bà N được quản lý sử dụng diện tích đất: $49,9\text{m}^2 \times 25.000.000 \text{ đồng/m}^2 = 1.247.500.000 \text{ đồng}$ và tài sản trên đất là 91.515.000 đồng; tổng cộng là 1.339.015.000 đồng. Như vậy, anh T phải trả tiền chênh lệch trị giá tài sản cho bà N là 516.842.000 đồng, phù hợp với quy định tại các điều 158; 163; 166; 218; 219; 630; 640; 688 Bộ luật Dân sự; các điều 33; 35 Luật Hôn nhân gia đình.

[16] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét thấy cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Phạm Trung T.

[17] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn là bà Hoàng Thị N là người cao tuổi được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn Anh Phạm Trung T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: $36.000.000 \text{ đồng} + [3\% \times (1.855.857.500 \text{ đồng} - 800.000.000 \text{ đồng})] = 67.675.725 \text{ đồng}$ (làm tròn 67.676.000 đồng).

[18] Về án phí dân sự phúc thẩm: Vì kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn anh Phạm Trung T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0008259 ngày 24/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Anh T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2, 14 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 38, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 158; 163; 166; 218; 219; 630; 640; 688 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào các điều 33; 35 của Luật Hôn nhân gia đình.

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 4 Điều 26; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Phạm Trung T.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 42/2022/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, hủy nội dung định đoạt phần tài sản của bà Hoàng Thị N cho anh Phạm Trung T trong khối tài sản chung của vợ chồng bà Hoàng

Thị N, ông Phạm Văn T trong bản di chúc lập ngày 15/10/2012 và buộc anh Phạm Trung T phải trả lại phần tài sản nói trên cho bà N. Anh Phạm Trung T được quản lý sử dụng phần tài sản của ông Phạm Văn T theo di chúc ngày 15/12/2012. Cụ thể như sau:

- Bà Hoàng Thị N được quyền sử dụng diện tích 49,9m² đất thuộc một phần của thửa đất số 160, tờ bản đồ số 01, tại Xã C, huyện T, thành phố Hải Phòng và được sở hữu các tài sản trên đất gồm: 01 nhà 02 tầng và 01 công trình phụ mái bằng liền kề phía sau; 01 lán tôn mạ màu, 01 cửa xếp sắt, thể hiện tại các mốc giới 3, 4, 5, 6 và 3 (có sơ đồ kèm theo).

Đối với phần công trình xây dựng lấn sang phần đất hành lang giao thông bà Hoàng Thị N có trách nhiệm tháo dỡ trả lại nguyên trạng phần đất hành lang giao thông khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.

- Anh Phạm Trung T được quyền sử dụng diện tích 790,9m² đất thuộc thửa đất số 210, tờ bản đồ số 02; địa chỉ: Xã C, huyện T Hải Phòng. Trên đất có các tài sản do anh Phạm Trung T và chị Hoàng Thị P tạo lập, thể hiện tại các mốc giới: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 và 1 (có sơ đồ kèm theo).

- Anh Phạm Trung T có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch giá trị tài sản cho bà Hoàng Thị N số tiền là 516.842.000 (Năm trăm mười sáu triệu tám trăm bốn mươi hai nghìn) đồng.

Kể từ ngày người có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại các điều 357; 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Hoàng Thị N được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn anh Phạm Trung T phải nộp 67.676.000 (sáu mươi bảy triệu sáu trăm bảy mươi sáu nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn anh Phạm Trung T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0008259 ngày 24/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Anh T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hải Phòng;
- TAND huyện Thủy Nguyên,
thành phố Hải Phòng;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên,
thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Thu